

Bản án số: 13 /2023/HNGĐ - ST

Ngày: 06 – 6 - 2023

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN**  
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Hương  
2. Ông Lê Thanh Hải
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Như  
Như Nhung – Kiểm sát viên .

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 37/2023/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2023 Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Chị Xa Thị Q**, sinh năm 1990;  
Dân tộc: Mường; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Giáo viên.
  2. **Bị đơn: Anh Lê Thanh T**, sinh năm 1990;  
Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do.
- Cùng trú tại: Xóm Bờ Suối, xã Nam Hòa, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

*( Các đương sự có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, Nguyên đơn - **Chị Xa Thị Q trình bày:**

Chị và anh Lê Thanh T kết hôn năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Hòa, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình bố mẹ anh T tại xóm Bờ suối, xã Nam

Hòa, huyện Đ. Mấy năm gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh T có nhiều mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, về nhà bạo hành chị, không quan tâm gì đến vợ và con nên cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên không cùng quan điểm sống và cách nuôi dạy con. Thời điểm hiện tại chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, cả hai không còn quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên nội ngoại cũng đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng vợ chồng chị không đoàn tụ được. Anh T nhiều lần đánh chị trước mặt con, con chị cũng nhiều lần chứng kiến anh T đi chơi về khuya rồi gây sự đánh chị. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, từ tháng 4/2023 do không chịu nổi anh T chửi bới, đánh đập nên chị đã ra ngoài thuê nhà để ở và sống ly thân với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị yên tâm công tác và ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Duy L, sinh ngày 21/10/2012. Khi ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi con đến khi con trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Bị đơn – anh Lê Thanh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định anh và chị Xa Thị Q kết hôn năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Hòa, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại xóm Bờ suối, xã Nam Hòa, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Q trình bày anh có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác là không đúng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống. Chị Q tự bỏ nhà đi mà không có lời nào nói với anh, bản thân chị Q cũng không quan tâm đến con học hành như thế nào. Nay chị Q khởi kiện ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị Q, vì anh mong muốn con có cả gia đình trọn vẹn. Nếu chị Q kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Duy L, sinh ngày 21/10/2012, hiện tại con đang ở với anh. Khi ly hôn nguyện vọng của anh là được trực tiếp nuôi con đến khi con trưởng thành, anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Q xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh nhất trí chị Q tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án 02 lần triệu tập con chung của chị Q và anh T đến tòa để trình bày nguyện vọng là được ở với bố hay với mẹ khi cha mẹ ly hôn, tại bản tự khai của con chung trên 7 tuổi, cháu Lê Duy L, sinh ngày 21/10/2012 trình bày: Cháu là con của bố Lê Thanh T, mẹ Xa Thị Q. Mẹ cháu có đơn ly hôn bố cháu quan điểm của cháu chọn ở với mẹ vì bố cháu không quan tâm đến cháu, có một số lần cháu chứng kiến bố đánh mẹ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị Q và anh T đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị Q kiên quyết ly hôn anh T vì vậy Tòa án phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa cùng với lời trình bày của các bên đương sự nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Xa Thị Q, cho chị Xa Thị Q được ly hôn anh Lê Thanh T.

+ Về con chung: Giao con chung Lê Duy L, sinh ngày 21/10/2012 chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành( đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Chị Xa Thị Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

+ Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[ 1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 điều 28; Các bên đương sự cùng cư trú tại Xóm Bờ Suối, xã Nam Hòa, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

### [2] Về nội dung:

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Xa Thị Q và anh Lê Thanh T kết hôn năm năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Hòa, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Q, anh T sống hòa thuận, hạnh phúc tại gia đình anh T, năm 2021 vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, giữa năm 2023 vợ chồng sống ly thân và chị Q khởi kiện ra Tòa xin ly hôn anh T. Theo chị Q trình bày:

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh T có nhiều mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, về nhà bạo hành chị, không quan tâm gì đến vợ và con, không cùng quan điểm sống và cách nuôi dạy con. Thời điểm hiện tại chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, cả hai không còn quan tâm gì đến nhau. Anh T nhiều lần đánh chị trước mặt con, con chị cũng nhiều lần chứng kiến anh T đi chơi về khuya rồi gây sự đánh chị. Từ tháng 4/2023 do không chịu nổi anh T chửi bới, đánh đập nên chị đã ra ngoài thuê nhà để ở và sống ly thân anh T từ đó. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị yên tâm công tác và ổn định cuộc sống.

Hôn nhân giữa chị Q và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2023, trước thời điểm sống ly thân vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, anh T đánh chị nhiều lần, hiện nay hai bên không cùng sống chung một mái nhà mà sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm nhau, cả hai bên đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà cứ để mặc cho tình trạng vợ chồng sống ly thân đến nay, cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau những công việc gia đình và những khó khăn, lo toan trong cuộc sống. Trong trường hợp này, anh T và chị Q đã vi phạm nghĩa vụ, tình nghĩa vợ chồng nên xác định tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung điều luật quy định: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.*

Hiện nay, chị Q đã ra khỏi nhà anh T để thuê nhà ở riêng chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, HĐXX xét thấy nếu duy trì cuộc sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên vì vậy HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Xa Thị Q, cho chị Xa Thị Q được ly hôn anh Lê Thanh T là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

**[2.2] Về con chung:** Chị Q và anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Duy L, sinh ngày 21/10/2012, trong quá trình giải quyết vụ án chị Q và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Xét nguyện vọng được nuôi con chung của chị Q và anh T đều có quyền ngang nhau, nhưng hiện con còn nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Tại phiên tòa chị Q cung cấp chứng cứ về việc chị có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bản thân chị là giáo viên trường Tiểu học và THCS Hóa Trung, huyện Đ nên chị có thời gian và điều kiện chăm sóc con được tốt hơn anh T, ngoài ra chị bán hàng online có thêm thu nhập khác trung bình mỗi tháng được 10-15 triệu đồng đảm bảo cuộc sống ổn định để nuôi con. Tại bản tự khai của cháu Lê Duy L có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì vậy, để đảm bảo tâm lý của trẻ và quyền lợi về mọi mặt của con sau khi cha mẹ ly hôn cần giao con chung Lê Duy L, sinh ngày 21/10/2012 cho chị Xa Thị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không giải quyết, khi đương sự có yêu cầu giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

**[2.4] Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án, Nguyên đơn - Chị Xa Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0003758 ngày 30/3/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**[2.5] Về quyền kháng cáo:** Chị Xa Thị Q và anh Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng : Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Xa Thị Q đối với anh Lê Thanh T, cho chị Xa Thị Q được ly hôn anh Lê Thanh T. Quan hệ hôn nhân giữa Chị Xa Thị Q và anh Lê Thanh T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Giao con chung Lê Duy L, sinh ngày 21/10/2012 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành( đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên đương sự có sự thay đổi khác.

*\* Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Tòa án không giải quyết do chị Q không yêu cầu.

*\* Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Lê Thanh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Xa Thị Q và anh Lê Thanh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**4. Án phí:** Chị Xa Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0003758 ngày 30/3/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**5. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Q và anh T. Báo cho chị Q và anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15( mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND nơi ĐKKH năm 2010, xã NH,  
, huyện Đ, tỉnh TN;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**ĐÃ KÝ**

**Mai Thị Hồng Thái**